

Số: 404/CLM-TCHC

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2024

V/v: Công bố thông tin

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin

- Mã chứng khoán: CLM

- Trụ sở chính: Số 47 Quang Trung - Hoàn Kiếm - Hà Nội

- Điện thoại: 024. 39 424 634 Fax: 024. 39 422 350

- Email: coalimex@fpt.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

- Mức chi cổ tức năm 2023: 30%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận 3.000 đồng) và hình thức chi trả cổ tức bằng tiền.

- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức năm 2023 bằng tiền: Ngày 15/5/2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/4/2024: www.coalimex.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/cáo);
- KTNB;
- Lưu: VT, TCHC, Tký Cty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ✓
GIÁM ĐỐC



Phạm Minh

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
(NĂM TÀI CHÍNH 2023)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN – VINACOMIN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than-Vinacomin;

- Căn cứ Biên bản số 01/BB-ĐHĐCĐ của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than- Vinacomin ngày 25 tháng 4 năm 2024.

Đại hội đã thảo luận thông qua và quyết nghị:

1. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2023 (đã được kiểm toán) trình bày tại cuộc họp. Nội dung báo cáo kèm theo Nghị quyết.

2. Thông qua mức cổ tức thanh toán cho các cổ đông năm 2023 là 30% trên vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023. Hình thức chi trả bằng tiền.

3. Thông qua việc chi trả thù lao các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm tài chính 2023 và kế hoạch thù lao năm tài chính 2024 như Tờ trình số 16/TTr- HĐQT ngày 29/3/2024 của Hội đồng quản trị. Nội dung Tờ trình kèm theo Nghị quyết.

4. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và chủ trương nghiên cứu đầu tư theo đề xuất của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trình bày tại Đại hội. Cụ thể:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	20.318,5
2	Giá trị sản xuất (tính lương)	Tỷ đồng	291,4
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	80,2
4	Thu nhập tiền lương b/q	tr.đ/ng/th	25,01
5	Cổ tức	%	≥ 20

- Nếu tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 có thay đổi theo biến động của thị trường, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo với cuộc họp ĐHĐCĐ vào kỳ họp tiếp theo.

- Giao Giám đốc Công ty nghiên cứu chủ trương đầu tư cho các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty; ĐHCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch đầu tư theo Điều lệ của Công ty.

5. Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập để ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính Công ty năm 2024 như Tờ trình 19/TTr-BKS ngày 10/4/2024 của Ban Kiểm soát.

- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành;
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc;
- Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Trường hợp Công ty không chọn được một trong ba đơn vị kiểm toán nêu trên, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động tìm kiếm, lựa chọn đơn vị khác trên cơ sở đáp ứng tiêu thức tại Mục 1 của Tờ trình 19/TTr-BKS ngày 10/4/2024 của Ban Kiểm soát Công ty.

6. Thực hiện các giao dịch, hợp đồng ký kết giữa Công ty và người có liên quan như Tờ trình 20/TTr-HĐQT ngày 10/4/2024 của Hội đồng quản trị, cụ thể:

Giao cho HĐQT giám sát, Giám đốc Công ty ký kết và thực hiện các giao dịch, hợp đồng hoặc nhóm giao dịch, hợp đồng của Công ty với người có liên quan của Công ty trong trường hợp:

- Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất trở lên;
- Hoặc: Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất trở lên.

7. Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ về quản trị Công ty như Tờ trình 21/TTr-HĐQT ngày 22/4/2024 của Hội đồng quản trị, cụ thể:

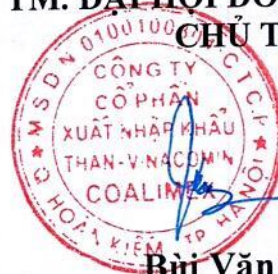
- Bổ sung ngành nghề kinh doanh: Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất (mã ngành: 6820).
- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế quản trị nội bộ về quản trị Công ty.

Nghị quyết này đã được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần XNK Than- Vinacomin thông qua ngay tại cuộc họp ngày 25 tháng 4 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- UB CKNN;
- Sở giao dịch chứng khoán HN (HNX);
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu TKCT. *MLL*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Bùi Văn Tuấn



Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2024

**BIÊN BẢN
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
(NĂM TÀI CHÍNH 2023) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN –
VINACOMIN**

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin.
- Địa chỉ: 47 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Đăng ký kinh doanh: Số 0100100304 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 27/7/2022 (đăng ký thay đổi lần thứ 17).
- Thời gian họp: Bắt đầu hồi 9h00 ngày 25/4/2024;
Kết thúc hồi 11h30 ngày 25/4/2024;
- Địa điểm họp: Hội trường Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin, địa chỉ: 47 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;
- Chủ tọa cuộc họp: Ông Bùi Văn Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị;
Ông Phạm Minh – Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty (tham gia chủ tọa);
- Thư ký cuộc họp: Bà Phạm Mai Lan – Thư ký công ty;
- Khách mời cuộc họp: - Ông Nguyễn Trung Thành – Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành;
Các Ông, Bà trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty.
- Tổng số cổ đông: 170 cổ đông, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 (năm tài chính 2023).

Vốn điều lệ:	110 tỷ đồng
Số lượng cổ phần:	11 triệu cổ phần
Số cổ đông dự họp:	33 cổ đông dự họp, đại diện cho 10.321.480 cổ phần bằng 93,83 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
	Danh sách cổ đông dự họp có Phụ lục kèm theo.

DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

I. Thủ tục khai mạc cuộc họp:

- Ban thẩm tra tư cách cổ đông được thành lập theo Quyết định số 51/QĐ-CLM ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Giám đốc Công ty về việc cử thành viên tham gia Ban thẩm tra tư cách cổ đông đã kiểm tra tính hợp lệ, sự có mặt của cổ đông tham dự cuộc họp.

- Ông Nguyễn Thùy Dương – Phó Giám đốc Công ty thông qua chương trình, quy chế cuộc họp. Cuộc họp thống nhất chương trình và quy chế cuộc họp.

- Ông Nguyễn Thùy Dương – Phó Giám đốc Công ty tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự và giới thiệu chủ tọa cuộc họp là Ông Bùi Văn Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và đồng chủ tọa là Ông Phạm Minh – Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

- Bà Phạm Mai Lan được cổ đông thông qua làm Thư ký cuộc họp.

- Bà Lê Thị Thu Trang – Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông đọc Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.

II. Các báo cáo trình bày tại cuộc họp:

- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Ngân – Kế toán trưởng Công ty trình bày Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán (tóm tắt) và phân phối lợi nhuận năm 2023; Báo cáo về thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc năm 2024.

- Ông Phạm Minh – Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của Giám đốc Công ty về thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

- Ông Nguyễn Mạnh Điệp – Ủy viên HĐQT trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị về đánh giá các mặt hoạt động của Công ty năm 2023, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2024, các đề nghị của HĐQT tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát, giám sát Hội đồng quản trị, ban điều hành; Báo cáo Đề nghị đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm Công ty 2024;

- Bà Bùi Thị Minh Thư – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính trình bày các tờ trình về Bổ sung ngành nghề kinh doanh và Sửa đổi điều lệ, quy chế quản trị Công ty; Tờ trình về giao dịch hợp đồng giữa Công ty và người liên quan.

III. Các phát biểu tại cuộc họp

- Có 03 cổ đông tham gia phát biểu và đóng góp ý kiến.

IV. Những nội dung biểu quyết thông qua

1. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2023 (đã được kiểm toán) trình bày tại cuộc họp. Nội dung báo cáo kèm theo Nghị quyết.

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.321.480 phiếu (33 cổ đông; 93,83%) trong đó:

Tán thành: 10.321.480 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

2. Thông qua mức cổ tức thanh toán cho các cổ đông năm 2023 là 30% trên vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023. Hình thức chi trả bằng tiền.

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.321.480 phiếu (33 cổ đông; 93,83%) trong đó:

Tán thành: 10.303.680 phiếu, chiếm 99,8% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không tán thành: 17.800 phiếu, chiếm 0,02% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

3. Thông qua việc chi trả thù lao các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc năm tài chính 2023 và kế hoạch thù lao năm tài chính 2024 như Tờ trình số 16/TTr-HĐQT ngày 29/3/2024 của Hội đồng quản trị. Nội dung Tờ trình kèm theo Nghị quyết.

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.321.480 phiếu (33 cổ đông; 93,83%) trong đó:

Tán thành: 10.321.480 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

4. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và chủ trương nghiên cứu đầu tư theo đề xuất của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trình bày tại Đại hội. Cụ thể:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	20.318,5
2	Giá trị sản xuất (tính lương)	Tỷ đồng	291,4
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	80,2
4	Thu nhập tiền lương b/q	tr.đ/ng/th	25,01
5	Cổ tức	%	≥20%

- Nếu tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 có thay đổi theo biến động của thị trường, ĐHCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh

doanh phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo với cuộc họp ĐHĐCĐ vào kỳ họp tiếp theo.

- Giao Giám đốc Công ty nghiên cứu chủ trương đầu tư cho các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty; ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch đầu tư theo Điều lệ của Công ty.

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.321.480 phiếu (33 cổ đông; 93,83%) trong đó:

Tán thành: 10.321.480 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

5. Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập để ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính Công ty năm 2024 như Tờ trình 19/TTr-BKS ngày 10/4/2024 của Ban Kiểm soát.

- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành;

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc;

- Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Trường hợp Công ty không chọn được một trong ba đơn vị kiểm toán nêu trên, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động tìm kiếm, lựa chọn đơn vị khác trên cơ sở đáp ứng tiêu thức tại Mục 1 của Tờ trình 19/TTr-BKS ngày 10/4/2024 của Ban Kiểm soát Công ty.

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.321.480 phiếu (33 cổ đông; 93,83%) trong đó:

Tán thành: 10.321.480 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

6. Thực hiện các giao dịch, hợp đồng ký kết giữa Công ty và người có liên quan như Tờ trình 20/TTr-HĐQT ngày 10/4/2024 của Hội đồng quản trị, cụ thể:

Giao cho HĐQT giám sát, Giám đốc Công ty ký kết và thực hiện các giao dịch, hợp đồng hoặc nhóm giao dịch, hợp đồng của Công ty với người có liên quan của Công ty trong trường hợp:

- Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất trở lên;

- Hoặc: Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất trở lên

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.321.480 phiếu (33 cổ đông; 93,83%) trong đó:

Tán thành: 10.321.480 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

7. Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ về quản trị Công ty như Tờ trình 21/TTr-HĐQT ngày 22/4/2024 của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Bổ sung ngành nghề kinh doanh: Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (mã ngành: 6820).

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế quản trị nội bộ về quản trị Công ty.

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.321.480 phiếu (33 cổ đông; 93,83%) trong đó:

Tán thành: 10.321.480 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

V. Ông Nguyễn

V. Thủ tục bế mạc cuộc họp

- Thư ký đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết đề cuộc họp thông qua.

- Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết ngay tại cuộc họp.

THƯ KÝ CUỘC HỌP



Phạm Mai Lan

CHỦ TỌA CUỘC HỌP



Bùi Văn Tuấn

**DANH SÁCH THAM DỰ CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY NĂM 2024**

Số tt	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Bùi Văn Tuấn	6.095.348	55,41%	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	4.242	0,04%	
3	Nguyễn Mạnh Điệp	13.559	0,12%	
4	Phạm Minh	519.477	4,72%	
5	Trần Xuân Hòa	59.744	0,54%	
6	Nguyễn Văn Cứ	670.788	6,10%	
7	Bùi Thị Minh Thư	351.463	3,20%	
8	Đỗ Quyết Tiến	104.246	0,95%	
9	Nguyễn Thị Hồng Nhung	86.104	0,78%	
10	Đỗ Thu Hồng	88.919	0,81%	
11	Nguyễn Thị Hồng Điệp	71.411	0,65%	
12	Nguyễn Thị Kim Oanh	10.204	0,09%	
13	Đào Xuân Việt	116.280	1,06%	
14	Cao Văn Hồng	12.785	0,12%	
15	Hoàng Đức Phương	623.649	5,67%	
16	Lưu Hoàng Hải	91.143	0,83%	
17	Nguyễn An Sơn	17.023	0,15%	
18	Nguyễn Hoàng Tiến	26.105	0,24%	
19	Nguyễn Hoàng Việt	5.860	0,05%	
20	Nguyễn Thanh Hương	656.412	5,97%	
21	Nguyễn Trọng Hùng	10.000	0,09%	
22	Ngô Quý Định	49.922	0,45%	
23	Phạm Hồng Khanh	393.144	3,57%	
24	Phạm Minh Châu	51.655	0,47%	
25	Phạm Thị Thảo	11.015	0,10%	
26	Trịnh Nam Hải	40.048	0,36%	
27	Tô Hồng Sơn	17.800	0,16%	
28	Đào Thị Tuyết Giang	59.026	0,54%	
29	Trần Thị Huệ	24.312	0,22%	
30	Nguyễn Thị Lan	30.886	0,28%	
31	Lê Đức Thăng	100	0,00%	
32	Bùi Thu Hồng	8.800	0,08%	
33	Đôn Văn Trung	10	0,00%	
33	Tổng cộng:	10.321.480	93,83%	



✓

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 TÓM TẮT

1	Tên doanh nghiệp	CÔNG TY CP XNK THAN - VINACOMIN		
2	Giấy đăng ký doanh nghiệp	Số 0100100304, thay đổi lần thứ 17 ngày 27/07/2022		
3	Ngành nghề kinh doanh	Kinh doanh xuất nhập khẩu; Chế biến than; Cung ứng vật tư; Xuất khẩu lao động; kinh doanh địa ốc và văn phòng cho thuê...		
4	Địa chỉ, điện thoại, fax	47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội Điện thoại: 024 3 9423166 Fax: 024 3 9422350		
5	Vốn điều lệ	110.000,00	Tr.đồng	
	Trong đó: Vốn Nhà nước	60.953,48	Tr.đồng	
	Vốn các cổ đông khác	49.046,52	Tr.đồng	

Phần I: Kết quả kinh doanh năm 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng				
	- SL than xuất khẩu uỷ thác	Tấn	300.000	41.677	14%
	- SL than nhập khẩu	Tấn	3.900.000	4.487.727	115%
	- SL than pha trộn	Tấn	1.500.000	1.696.006	113%
	- SL than kinh doanh nội địa	Tấn	380.000	374.514	99%
	- SL than giao nhận	Tấn	4.500.000	4.555.293	101%
2	Tổng kim ngạch XNK hàng hóa	USD	643.000.000	621.474.824	97%
	- Xuất khẩu than	USD	57.000.000	12.963.243	23%
	- Xuất khẩu khác	USD	-	-	
	- Nhập khẩu than	USD	585.000.000	603.603.940	103%
	- Nhập khẩu VTTB	USD	1.000.000	4.907.641	491%
3	Tổng doanh thu	Tr.VND	17.492.900	18.058.817	103%
4	Giá trị sản xuất tính lương	Tr.VND	175.740	350.273	199%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.VND	40.200	225.851	562%
6	Tổng quỹ lương	Tr.VND	41.605	49.926	120%
	- Theo đơn giá	Tr.VND	40.372	48.446	120%
	- Quỹ lương cán bộ quản lý	Tr.VND	1.233	1.480	120%
7	Tiền lương bình quân	ngh.đồng/ng/tháng	23.114	27.737	120%
8	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	Tối thiểu 9%	30% (dự kiến)	

✍

Phần II: Số liệu báo cáo tài chính thời điểm 31/12/2023

Đơn vị: đồng

STT	Diễn giải	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM (31/12/2023)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)
I	Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	2.322.440.058.688	877.721.871.247
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110- BCĐKT	170.008.343.066	65.142.137.991
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120- BCĐKT	-	-
3	Các khoản phải thu	130- BCĐKT	1.210.550.224.307	126.538.605.758
	- Phải thu của khách hàng	131-BCĐKT	1.204.777.219.135	96.474.834.347
	- Trả trước cho người bán	132-BCĐKT	2.286.550.241	31.999.768.530
	- Phải thu nội bộ	133-BCĐKT	-	-
	- Các khoản phải thu khác	136-BCĐKT	7.286.456.851	1.765.910.101
	- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	137-BCĐKT	(3.800.001.920)	(3.701.907.220)
	- Tài sản thiếu chờ xử lý	139-BCĐKT	-	-
4	Hàng tồn kho	140- BCĐKT	893.956.283.357	670.265.319.826
	- Hàng tồn kho	141- BCĐKT	893.956.283.357	671.836.541.623
	- Dự phòng Giảm giá hàng tồn kho	149-BCĐKT	-	(1.571.221.797)
5	Tài sản ngắn hạn khác	150- BCĐKT	47.925.207.958	15.775.807.672
	- Chi phí trả trước ngắn hạn	151-BCĐKT	2.403.427.335	464.135.128
	- Thuế GTGT được khấu trừ	152-BCĐKT	44.982.066.694	15.242.437.670
	- Các khoản Thuế phải thu	153-BCĐKT	539.713.929	69.234.874
	- Tài sản ngắn hạn khác	158-BCĐKT	-	-
II	Tài sản dài hạn	200- BCĐKT	82.666.001.336	78.053.867.120
1	Các khoản phải thu dài hạn	210- BCĐKT	3.063.286.200	3.349.471.000
	- Phải thu dài hạn của khách hàng	211-BCĐKT		
	- Phải thu nội bộ dài hạn	212-BCĐKT		
	- Phải thu dài hạn khác	213-BCĐKT		
2	Tài sản cố định	220- BCĐKT	-	-
	- Tài sản cố định hữu hình (GTCL)	221- BCĐKT	-	-
	+ Nguyên giá	222- BCĐKT	15.446.371.617	15.988.081.771
	+ Giá trị khấu hao lũy kế	223- BCĐKT	(15.446.371.617)	(15.988.081.771)
	- Tài sản cố định thuê tài chính (GTCL)	224- BCĐKT		
	- Tài sản cố định vô hình (GTCL)	227- BCĐKT		
3	Bất động sản đầu tư	230- BCĐKT	70.040.368.232	74.704.396.120
	+ Nguyên giá	231- BCĐKT	134.772.018.652	134.772.018.652
	+ Giá trị khấu hao lũy kế	232- BCĐKT	(64.731.650.420)	(60.067.622.532)
4	Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	148.362.963	-
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250- BCĐKT	-	-
6	Tài sản dài hạn khác	260- BCĐKT	9.413.983.941	-
*	Giá trị thực tế của doanh nghiệp (I+II)	270-BCĐKT	2.405.106.060.024	955.775.738.367

STT	Diễn giải	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM (31/12/2023)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)
III	Nợ phải trả	300- BCĐKT	1.760.524.705.442	446.522.928.290
1	Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	1.755.332.298.669	441.467.620.014
-	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311-BCĐKT	709.991.435.649	117.542.755.174
-	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312-BCĐKT	48.614.429.365	54.727.897.383
-	Thuế và các khoản phải nộp NN	313-BCĐKT	16.522.992.576	16.137.057.110
-	Phải trả người lao động	314-BCĐKT	16.854.051.349	11.540.019.732
-	Chi phí phải trả ngắn hạn	315-BCĐKT	8.393.520.919	2.803.579.179
-	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316-BCĐKT	-	-
-	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318-BCĐKT	1.870.324.591	2.206.953.267
-	Các khoản phải trả phải nộp khác	319-BCĐKT	13.115.758.158	49.747.841.687
-	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320-BCĐKT	926.536.104.986	178.186.857.156
-	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321-BCĐKT	7.899.450.000	7.523.183.250
-	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322-BCĐKT	5.534.231.076	1.051.476.076
2	Nợ dài hạn	330- BCĐKT	5.192.406.773	5.055.308.276
-	Phải trả dài hạn khác	337-BCĐKT	5.192.406.773	5.055.308.276
-	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338-BCĐKT	-	-
IV	Vốn chủ sở hữu	400- BCĐKT	644.581.354.582	509.252.810.077
1	Vốn chủ sở hữu	410- BCĐKT	644.581.354.582	509.252.810.077
-	Trong đó: Vốn đầu tư cổ đông	411- BCĐKT	110.000.000.000	110.000.000.000
	Thặng dư vốn cổ phần	412- BCĐKT	4.122.208.000	4.122.208.000
	Vốn khác của chủ sở hữu	414- BCĐKT	6.487.530.434	6.487.530.434
	Quỹ đầu tư phát triển	418-BCĐKT	136.395.724.207	34.745.724.207
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421-BCĐKT	387.575.891.941	353.897.347.436
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430- BCĐKT	-	-

Tổng nợ phải thu: 1.213.613.510.507 đồng

Tổng nợ phải trả: 1.760.524.705.442 đồng

Phân III: Cơ cấu tài sản - Cơ cấu vốn - Chỉ tiêu tài chính

STT	Nội dung	Cuối năm (31/12/2023)	Đầu năm (01/01/2023)
I	Cơ cấu tài sản		
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	3,44%	8,17%
	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	96,56%	91,83%
II	Cơ cấu vốn		
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	26,80%	53,28%
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	73,20%	46,72%
III	Đánh giá năng lực tài chính		
	Khả năng thanh toán tạm thời = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,32 lần	1,99 lần
	Khả năng thanh toán dài hạn = Tổng Tài sản/Tổng nợ phải trả	1,37 lần	2,14 lần
IV	Tỷ suất sinh lời		
	Tỷ suất LN sau thuế/ Tổng doanh thu	0,99%	2,55%
	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	7,46%	35,45%
	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	28,28%	67,95%

Phần IV: Phương án Phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2023

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2023	đồng	225.851.380.304
2	Thuế TNDN phải nộp năm 2023	đồng	46.541.835.799
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	đồng	179.309.544.505
4	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	đồng	208.266.347.436
5	Tổng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	đồng	387.575.891.941
6	Trả cổ tức	đồng	33.000.000.000
	- Trả cổ tức bằng tiền (dự kiến 30% vốn điều lệ)	đồng	33.000.000.000
7	Trích lập các quỹ:	đồng	60.157.000.000
	- Trích Quỹ đầu tư phát triển (30% Lợi nhuận sau thuế năm 2023)	đồng	53.793.000.000
	- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (1,5 tháng lương bình quân)	đồng	6.241.000.000
	- Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành (1 tháng lương VCQL)	đồng	123.000.000
8	Lợi nhuận để lại chưa phân phối năm nay	đồng	294.418.891.941



Nguyễn Thị Quỳnh Ngân

Số: 16 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm tài chính 2023 và đề xuất kế hoạch thù lao năm tài chính 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 phê duyệt việc chi trả thù lao đối với Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS), người quản lý chuyên trách khác của Công ty năm tài chính 2023 và đề xuất thù lao năm tài chính 2024, cụ thể như sau:

1. Thực hiện năm 2023:

1.1. Thù lao thành viên HĐQT, BKS:

a) Thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách:

Stt	Chức danh kiêm nhiệm	Số người	Kế hoạch (triệu đồng/năm)	Thực hiện (triệu đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	1	61,68	61,68
2	Thành viên HĐQT	3	157,68	157,68
3	Trưởng ban KS	1	54,96	54,96
4	Thành viên BKS	2	105,12	105,12
	Tổng cộng	7	379,44	379,44

b) Thù lao thành viên HĐQT độc lập:

Stt	Chức danh	Số người	Kế hoạch (triệu đồng/năm)	Thực hiện (triệu đồng/năm)
1	Thành viên HĐQT độc lập (Ông Trần Xuân Hoà)	1	262,80	262,80

1.2. Tiền lương của Người quản lý chuyên trách:

Stt	Chức danh	Số người	Kế hoạch (triệu đồng/năm)		Thực hiện (triệu đồng/năm)	
			Bình quân/tháng	Tổng quỹ lương	Bình quân/tháng	Tổng quỹ lương
1	Giám đốc	1	37,08	445	44,46	533,52
2	Phó giám đốc	2	32,83	788	39,42	946,08
	Tổng cộng	3		1.233		1.479.60

2. Kế hoạch năm 2024:

2.1. Thù lao thành viên HĐQT và BKS:

a) Thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách:

Stt	Chức danh	Tiền lương tháng (Triệu đồng/tháng)	Số người	Tỷ lệ chi tối đa	Thù lao tháng (Triệu đồng/tháng/người)	Kế hoạch (Triệu đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	25,70	1	20%	5,14	61,68
2	Thành viên HĐQT	21,90	3	20%	4,38	157,68
3	Trưởng ban KS	22,90	1	20%	4,58	54,96
4	Thành viên BKS	21,90	2	20%	4,38	105,12
	Tổng cộng		7			379,44

b) Thù lao thành viên HĐQT độc lập:

Stt	Chức danh	Số người	Kế hoạch bình quân (Triệu đồng/người/tháng)	Tổng thù lao (Triệu đồng/năm)
1	Thành viên HĐQT độc lập	1	21,90	262,80

- Mức phụ cấp trách nhiệm hàng tháng đối với thành viên không chuyên trách HĐQT, BKS được tính theo công việc, được trả tối đa bằng 20% mức tiền lương của chức danh chuyên trách tương đương.

Phương thức chi: Hàng tháng tạm ứng 80% mức thù lao được chi, số 20% còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ghi chú:

- Mức tiền lương hàng tháng của Người quản lý chuyên trách vận dụng theo Phụ lục 04-Doanh nghiệp hạng I nhóm II, ban hành kèm theo Quyết định số

1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 về hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong TKV.

- Mức thù lao của thành viên HĐQT độc lập áp dụng theo Quyết định số 1803/QĐ-TKV ngày 28/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019.

2.2. Tiền lương của Người quản lý chuyên trách:

Stt	Chức danh	Số người	Số tháng	Kế hoạch bình quân (Triệu đồng/người/tháng)	Tổng quỹ tiền lương (Triệu đồng/năm)
1	Giám đốc	1	12	37,08	445
2	Phó giám đốc	2	12	32,83	788
3	Kế toán trưởng	1	9	30,00	270
	Tổng cộng	4			1.503

Quỹ tiền lương của Người quản lý chuyên trách tính theo số lượng người và thời gian làm việc thực tế trong năm.

Trong trường hợp có sự thay đổi về số lượng Người quản lý chuyên trách và các quy định liên quan đến chế độ tiền lương, phụ cấp trách nhiệm đối với Người quản lý của Công ty thì ĐHĐCĐ sẽ giao cho HĐQT quyết định và báo cáo lại ĐHĐCĐ thường niên kỳ họp sau.

HĐQT Công ty kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TCHC, TKCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Văn Tuấn

Số: 21 /TTr - HĐQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, sửa đổi Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019; Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2022; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Công văn số 2276/TKV-TCNS ngày 22/4/2024 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin.

Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo Điều lệ và Quy chế của Công ty thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, phù hợp với điều kiện tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 bổ sung ngành nghề kinh doanh và các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế quản trị nội bộ về Quản trị Công ty;

I. Bổ sung ngành nghề kinh doanh: Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.(Mã ngành: 6820). Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất.

II. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty:

- Bổ sung ngành nghề kinh doanh quy định tại Khoản 2 của Điều 4;
- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 2 của Điều 10; Khoản 3, Khoản 4, Khoản 6 của Điều 21; Khoản 7 của Điều 44.

III. Sửa đổi bổ sung nội dung Quy chế quản trị nội bộ về quản trị Công ty: Sửa đổi Khoản 11 của Điều 5.

(các Phụ lục kèm theo).

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TCHC, TKCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Văn Tuấn